

Liên minh quân sự giữa Pháp với Tây Ban Nha trong cuộc chiến tại Đà Nẵng (1858 -1860)

Trần Xuân Hiệp

Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

Nguyễn Hữu Phúc

Phòng tư liệu Trí Thông Đường, Huế

Email liên hệ: hiepdhdt@gmail.com

Tóm tắt: Viện cơ triều đình nhà Nguyễn cấm đạo Thiên Chúa, giết hại nhiều giáo sĩ, giáo dân, trong đó có một giáo sĩ người Tây Ban Nha, Pháp đã liên minh với Tây Ban Nha gấp rút chuẩn bị lực lượng, vũ khí tấn công xâm lược Việt Nam với sứ mệnh “khai hóa”, “cứu đạo”, mở ra cuộc chiến tranh Mậu Ngọ. Đà Nẵng là địa phương đầu tiên trong cả nước thực hiện sứ mệnh bảo vệ tổ quốc bằng những cuộc chiến oai hùng ở thành Điện Hải. Trong hơn 18 tháng (từ 1/9/1858 đến 23/3/1860), liên quân Pháp – Tây Ban Nha đã liên tục mở các đợt tấn công để bình định và làm chủ Đà Nẵng. Thế nhưng, với lòng dũng cảm, mưu trí, cách đánh sáng tạo, quân dân Đà Nẵng đã tích cực chiến đấu và làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh, buộc liên quân Pháp – Tây Ban Nha phải rút khỏi Đà Nẵng. Bài viết này sẽ làm rõ cơ sở Pháp và Tây Ban Nha liên minh quân sự trong mục tiêu xâm lược Việt Nam, sự chiến đấu anh dũng của nhân dân Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng đã làm cho liên minh quân sự Pháp – Tây Ban Nha thất bại.

Từ khóa: Đà Nẵng, Liên minh quân sự, Pháp, Tây Ban Nha.

Abstract: Allegating that the Nguyen Dynasty banned Christianity, killing many clerics and laity, including one Spanish cleric, France has allied with Spain in a hurry to prepare forces and weapons to attack and invade Vietnam with the mission of “civilization” and “salvation”, opening the Mau Ngo war. Da Nang is the first locality in the country to carry out its mission in protecting the country with majestic battles Dien Hai citadel. For more than 18 months (from September 1, 1858 to March 23, 1860), the Franco-Spanish coalition continuously launched attacks to pacify and control Da Nang. However, with courage, craftiness and creative way of fighting, Da Nang’s army and people actively fought and foiled the plan of quick attract and quick victory, forcing the French - Spanish coalition to withdraw from Da Nang. This article will clarify the basis of French and Spanish military alliances in the goal of invading Vietnam, the heroic fighting of the Vietnamese people in general and Da Nang in particular, leading to the failure of the French - Spanish coalition.

Key words: Da Nang; Military alliances; France; Spain.

Ngày nhận bài: 15/9/2019

Ngày duyệt đăng: 25/10/2019

1. Đặt vấn đề

Để tìm kiếm đồng minh cho công cuộc xâm lược Việt Nam, Pháp tìm cách lôi kéo Tây Ban Nha cùng tham chiến. Trước sự thuyết phục và đề nghị của người Pháp, nữ hoàng Isabella

II đã giao cho Bộ trưởng Chiến tranh Tây Ban Nha cử quân tham chiến. Được sự đồng ý của Bộ trưởng Chiến tranh, Đô đốc Pierre-Louis-Charles Rigault de Genouilly làm tổng chỉ huy đoàn quân viễn chinh sang Việt Nam. Vua Napoléon III và Đô đốc Charles Rigault de Genouilly thống nhất kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” và chọn Đà Nẵng là nơi nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam. Theo kế hoạch đã bàn, Đô đốc Charles Rigault de Genouilly sẽ đưa liên quân đến sát bờ biển Đà Nẵng.

Đoàn chiến hạm của liên quân Pháp – Tây Ban Nha do Đô đốc Rigault de Genouilly chỉ huy đã khởi hành từ cảng Yulikan ở cực nam của đảo Hải Nam (Trung Quốc) cách Đà Nẵng 180 dặm theo đường chim bay, tiến thẳng về Đà Nẵng. Đến chiều ngày 31/8/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha với 14 chiến thuyền đã hội quân trước cửa biển Đà Nẵng. Sáng ngày 1/9/1858, Rigault de Genouilly gửi tối hậu thư cho viên trấn thủ Đà Nẵng là Trần Hoàng, hẹn trong hai giờ phải nộp ngay các pháo đài cho Pháp. Nhưng phía Nam triều im lặng không trả lời, do đó, đúng thời gian quy định, liên quân Pháp – Tây Ban Nha lập tức triển khai đội hình các pháo hạm tấn công các đồn Điện Hải, An Hải, rồi cho quân đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà. Âm mưu của liên quân Pháp – Tây Ban Nha là chiếm Đà Nẵng làm căn cứ, rồi làm bàn đạp nhanh chóng đánh chiếm kinh đô Huế buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng và làm vô hiệu hoá sức đề kháng của nhân dân ta.

Nhận thức được vị trí chiến lược của Đà Nẵng, liên quân Pháp – Tây Ban Nha quyết tâm chiếm lấy, song khi chiến cuộc xảy ra chúng mới thấy hết sự chủ quan và sai lầm trong chiến thuật. Đặc biệt, sự phản công quyết liệt của quân dân ta tại mặt trận Đà Nẵng, đã làm cho hàng trăm tên giặc phải bỏ mạng, khiến liên quân phải từ bỏ ý định đánh chiếm Đà Nẵng chuyển sang mục tiêu đánh Gia Định, kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của liên quân Pháp và Tây Ban Nha thất bại. Bài viết tập trung làm rõ cơ sở hình thành liên minh quân sự Pháp và Tây Ban Nha trong mục tiêu xâm lược Việt Nam, sự chiến đấu anh dũng của quân dân Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng đã làm cho liên minh quân sự Pháp – Tây Ban Nha thất bại.

2. Cơ sở liên minh quân sự Tây Ban Nha và Pháp trong mục tiêu xâm lược Việt Nam

Trước khi tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã tìm cách liên minh quân sự với Tây Ban Nha. Vậy lí do và điều kiện nào Pháp lại đặt vấn đề muốn liên minh với Tây Ban Nha mà không phải là một lực lượng khác? Và lợi ích của Tây Ban Nha sẽ được chia như thế nào nếu cuộc chiến kết thúc với phần thắng thuộc về liên minh Pháp với Tây Ban Nha? Xem xét nội dung cụ thể của tiến trình Pháp kêu gọi chính quyền Tây Ban Nha giúp đỡ và ủng hộ Pháp trong mục tiêu xâm lược vương quốc An Nam, có thể thấy được duyên cớ, lợi ích, mưu đồ, những điều kiện cần và đủ để hai nước có cái cơ sở chung để bắt tay với nhau trong hình thành liên minh quân sự xâm chiếm Việt Nam:

Thứ nhất, liên minh Pháp – Tây Ban Nha nhằm thiết lập ảnh hưởng của mình và thu được nhiều lợi ích từ Việt Nam.

Từ thế kỉ XVI – XVII, các nước Tây Âu, nhất là các nước dọc theo bờ biển Địa Trung Hải và ven Tây Nam Âu đã có những chuyển biến lớn về quan hệ sản xuất, mở đầu cho sự ra đời của chủ nghĩa tư bản. Vì mục tiêu nhanh giàu có và có nhiều quyền lực để làm bá chủ châu Âu và thế giới, chính phủ các nước Tây Âu, trong đó có Tây Ban Nha đã khuyến khích, giúp đỡ các thương nhân của họ đi ra bên ngoài, đến các nước ở Đông Nam Á để tìm kiếm lợi nhuận,

trước hết vàng và hương liệu. “Họ cho rằng, ở phương Đông hết sức huyền bí, nơi có nhiều của ngon, vật lạ, nhất là vàng bạc và các hương liệu quý hiếm” (Trần Khánh, 2012, tr.17). Mặt khác, từ thế kỉ XV, đế quốc Ottoman ngăn cấm các hoạt động giao thương từ biển Đỏ sang Ấn Độ Dương khiến tàu thuyền của Tây Ban Nha khó có thể đi qua lại khu vực này. Chính vì không muốn lệ thuộc vào các thương nhân Hồi giáo Ả-rập - Ba Tư và hàng hóa từ phương Đông, nhất là gia vị, tơ lụa tại châu Âu tăng giá rất cao, gấp nhiều lần so với trước đó nên xuất hiện chủ trương khai phá, tìm kiếm các luồng thương mại mới. Cùng với sự cạnh tranh thương mại sau những cuộc phát kiến địa lý, nhu cầu truyền bá đức tin của Tòa Thánh Vatican cũng là một trong những nguyên nhân chính làm tăng tốc độ hướng về phương Đông của Tây Ban Nha.

Tuy nhiên, trên con đường chinh phục thuộc địa ở Đông Nam Á, Tây Ban Nha đã bị Bồ Đào Nha cạnh tranh một cách mạnh mẽ và nhiều lần gây ra xung đột với nhau. Để dàn xếp sự cạnh tranh khó dung hòa này, năm 1494 Giáo hoàng La Mã đã đưa ra giao ước Tordesilas và yêu cầu Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha cùng ký. Theo Hiệp ước Tordesilas: “*người Tây Ban Nha đi về phía Tây đến vùng Tân Thế giới phát triển thương mại và truyền giáo ở đó; Bồ Đào Nha thì đi về phía Đông, đến các vùng Viễn Đông xa xôi*” (Trần Khánh, 2012, tr.20). Mặc dù vậy, với tham vọng tìm kiếm thuộc địa, người Tây Ban Nha cũng đã nhiều lần đưa các giáo sĩ đến truyền đạo và buôn bán tại Việt Nam. Nhưng cũng vào thời kỳ này, Anh, Pháp và Hà Lan cũng đã hoạt động một cách mạnh mẽ tại đây. Lần lượt các công ty Đông Ấn của Anh (EIC), Hà Lan (VOC) và Pháp (CRIO) ra đời và thu được nhiều lợi nhuận tại đây. “Các công ty này không chỉ tăng cường cạnh tranh tại thị trường châu Âu, mà còn ráo riết tìm kiếm và giành giật thị trường mới ở bên ngoài, trong đó phương Đông là mục tiêu hàng đầu” (Trần Khánh, 2012, tr.21). Nhận thấy đây chưa phải là thời cơ để Tây Ban Nha có thể thò tay vào vùng đất này, nhưng theo sự toan tính của chính quyền Tây Ban Nha sẽ tuyệt đối không bỏ qua các vùng đất tiềm năng này khi có cơ hội và cuối cùng dưới sự đề nghị của Pháp, Tây Ban Nha đã có dịp để thực hiện kế hoạch xâm chiếm Việt Nam vào năm 1858. Ngoài ra, sự sốt sắng của chính quyền Tây Ban Nha muốn tham gia cuộc viễn chinh cùng với Pháp còn có một sự tính toán khác, đó là: “*Thuộc địa Philippines, ở ngay gần Việt Nam, phải chăng là một điều khuyến khích trước con mắt của Madrid, trong khi Pháp cách xa những 12.000 km và chưa có một căn cứ nào ở đây; phải chăng đang đưa đến một điều bất lợi chắc chắn cho mình, và rất có lợi cho đồng minh*” (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.57).

Về phía Pháp, việc nổ súng xâm lược đánh chiếm Đà Nẵng từ rất sớm đã được tính toán và lập ra kế hoạch cụ thể. Nếu xem xét quá trình chinh phục Việt Nam của thực dân Pháp như một vở diễn thì vở diễn đó gồm ba màn: màn một: từ năm 1624 đến năm 1661, mà vai trò chính là các giáo sĩ; màn hai: mở đầu bằng sự ra đời của Công ty Đông Ấn Pháp năm 1663 và vai trò chính ở màn này là sự phối hợp hành động giữa giáo sĩ và thương nhân; và màn ba là vai trò của quân sự (Phạm Xanh, 2008). Cũng giống như Tây Ban Nha, Pháp và một số nước thực dân khác trước thế kỷ XIX, họ rất khao khát muốn xâm chiếm Việt Nam, nhưng điều kiện chưa cho phép để thực hiện mưu đồ của mình. Mặt khác, tư tưởng ngoại giao xuyên suốt từ thời Gia Long đến Tự Đức đối với các nước phương Tây mang tính “tự thủ”, “khép kín”, “không phương Tây”. “Đường lối chính sách này xuất phát từ yêu cầu phòng vệ đất nước và bảo vệ vương triều họ Nguyễn” (Trần Nam Tiến, 2006, tr.170). Nói rõ hơn, “chủ trương của triều Nguyễn là không muốn mở rộng quan hệ với phương Tây, nhất là khi âm mưu bành trướng xâm lược của thực

dân phương Tây ngày càng lộ rõ thì triều Nguyễn càng hạn chế giao thương, đồng thời tăng cường phòng thủ Đà Nẵng” (Luu Trang, 2011, tr.20). Chính chủ trương này mà nhiều lần tàu Pháp đến xin đặt quan hệ bang giao mà đều bị từ chối và gây nên sự bức xúc rất lớn đối với chính quyền Pháp. Từ đây, nước Pháp ráo riết chuẩn bị mọi mặt cho một phương thức mới – ngoại giao bằng vũ lực để “mở cửa” Việt Nam. Và đây chính là nguyên nhân sâu xa mà cả Pháp và Tây Ban Nha cùng muốn xâm lược và thiết lập sự ảnh hưởng của mình trên vùng đất này.

Thứ hai, sự liên minh Pháp – Tây Ban Nha trên cơ sở Hiệp ước gia đình hay hiệp ước thân tộc (Family Pact).

Sự liên minh giữa Pháp và Tây Ban Nha được bắt nguồn từ cuộc Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha (1701-1714), cuộc xung đột tranh giành ngôi vua Tây Ban Nha giữa Đại công tước Áo Charles III và Công tước xứ Anjou Philip V, cháu nội vua Louis XIV của Vương quốc Pháp. Cuộc chiến nổ ra sau khi vua Carlos II, vị vua cuối cùng của vương triều Habsburg ở Tây Ban Nha, băng hà mà không có người nối ngôi. Trong di chúc để lại, vua Carlos II chỉ định Philip V, cháu nội của vua Pháp Louis XIV sẽ làm người nối ngôi. Tuy nhiên, các cường quốc ở châu Âu lúc này rất lo ngại về nguy cơ mất quyền lực ở châu Âu nếu như Pháp và Tây Ban Nha hợp nhất dưới một vương triều sau khi Philip V trở thành vua Tây Ban Nha. Họ tìm cách ngăn chặn kịch bản đó bằng một cuộc chiến kéo dài 14 năm, hay còn gọi là Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha, nhằm đưa Charles III lên ngôi vua Tây Ban Nha. Để chống lại ý đồ này, Pháp và Tây Ban Nha đã liên minh¹ lại với nhau để chống lại cuộc chiến tranh này.

Đây là tiền đề để Pháp và Tây Ban Nha tiếp tục liên minh và hỗ trợ với nhau trên cơ sở cùng “gia tộc Bourbon” trong những giai đoạn sau. Một cơ sở khác để Pháp và Tây Ban Nha liên minh với nhau là muốn kìm hãm sự đang lên của nước Anh. Các thuộc địa của Tây Ban Nha và Pháp luôn bị Anh nhòm ngó, nhiều lần đưa quân đến đánh chiếm. Đến năm 1761, Pháp và Tây Ban Nha ký kết “Hiệp ước gia đình” hay còn gọi là “Hiệp ước thân tộc” (Family Pact). Theo đó, nếu một bên tham gia một cuộc chiến tranh hay xâm chiếm một thuộc địa nào thì nước còn lại có nhiệm vụ hỗ trợ về sức người lẫn sức của (Hofstadter, R., & Ver Steeg, C. L., 1969). Vào năm 1795, trước sức ép của Anh muốn đẩy Tây Ban Nha ra khỏi các thuộc địa châu Mỹ, chính phủ Tây Ban Nha với Pháp đã ký hiệp ước “phòng thủ và tấn công” chống lại nước Anh. Từ sau sự kiện này cho đến năm 1808, Tây Ban Nha trở thành công cụ đắc lực trong tay Pháp. Tương tự như vậy, khi tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, Tây Ban Nha cũng đã đưa quân sang hỗ trợ cùng với Pháp.

Thứ ba, sự hình thành liên quân giữa Pháp và Tây Ban Nha do một phần ảnh hưởng của hoàng hậu Eugénie de Montijo.

Nguyên nhân mà Pháp quyết định đưa quân tham chiến tại Việt Nam, là do một phần ảnh hưởng của hoàng hậu Eugénie de Montijo² và vì cái chết của giám mục Tây Ban Nha Diaz Sanjurjo có quen biết tại Andalousie (Tây Ban Nha). Hoàng hậu Eugénie de Montijo là một người sùng đạo Thiên Chúa, nên khi biết được tin triều Nguyễn ban hành cấm đạo gay gắt và giết chết một số giáo sĩ, trong đó có giám mục Tây Ban Nha Diaz Sanjurjo một người bà rất thân tình, bà đã nài nỉ vua Napoléon tiến hành xâm lược Việt Nam. Chính những “*dụ cấm đạo bằng cách xử tử hình, đập lên Thánh giá, bắt buộc bỏ đạo, thích chữ vào mặt, đi đày...*” (Đỗ Bang, 2000, tr.49) đã gây nên sự phản đối một cách mạnh mẽ đến nước Pháp và chính điều này đã

nhận được một sự cảm thông sâu sắc từ Hoàng hậu Eugénie de Montijo làm bà *“hoài niệm về một tình bạn riêng tư bị tổn thương, với tinh thần tự cao dân tộc, với đức tin nồng nàn của mình, bà đã bị xúc động sâu sắc và thúc đẩy chính phủ Pháp để có một sự bồi thường thích đáng về cái chết của vị giáo sĩ người Tây Ban Nha đó, cũng như kêu gọi Tây Ban Nha cùng tham gia can thiệp”* (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.55). Và bằng tài ngoại giao khéo léo của mình, bà đã thuyết phục được chính quyền Tây Ban Nha cùng liên minh với Pháp. Nên có thể nói, dưới sự tác động từ phía hoàng hậu Eugénie de Montijo, cộng thêm những toan tính chiến lược được đề trình từ các cận thần thì cuối cùng hoàng đế Napoléon III quyết định thay đổi chính sách và xua quân tiến hành xâm lược Việt Nam.

Thứ tư, việc giam giữ và giết chết một số giáo sĩ người Pháp và Tây Ban Nha của triều đình nhà Nguyễn.

Có thể nói rằng, sự hội quân giữa hai lực lượng Pháp và Tây Ban Nha có xuất phát từ mục đích tôn giáo; *“đó cũng là quan điểm của Đô đốc Rigalt, của Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa, và của chính phủ Tây Ban Nha. Đó cũng chính là quan điểm chính thức của chính phủ Pháp”* (Cao Huy Thuần và Nguyễn Thuận, 2014, tr.61).

Cho đến giữa thế kỉ XIX, các vị vua nhà Nguyễn đã cố gắng hạn chế sự tiếp xúc với người phương Tây. Từ thời Minh Mạng, sau đó là Thiệu Trị đã ban hành dụ cấm đạo nhưng vẫn chưa diễn ra gay gắt. Nguyên nhân khiến vua Thiệu Trị chưa thực hiện lệnh cấm đạo một cách *“gay gắt”* như dưới thời Tự Đức là do vua Thiệu Trị vốn là người có bản chất nhu hòa, không muốn làm gì để gây náo động trong dân chúng và xảy ra cuộc đụng độ vũ trang mà phần thắng có thể nghiêng về phía Pháp. Đến thời Tự Đức, trước hành động *“vừa thực hiện việc truyền giáo, các giáo sĩ đồng thời tiến hành điều tra tình hình để báo cáo về nước, yêu cầu Chính phủ Pháp phải vũ trang can thiệp vào Việt Nam”* (Trần Nam Tiến, 2006, tr.163) đã khiến vua Tự Đức hết sức tức giận. Đây chính là duyên cớ khiến việc cấm đạo và sát đạo của triều Nguyễn tiến hành một cách mạnh mẽ hơn. Không chỉ có các giáo sĩ người Tây Ban Nha bị xử tội và bị ném xuống biển mà có rất nhiều người Pháp cũng bị bắt. Việc cấm đạo và sát đạo được tiến hành mạnh tay hơn đó là vào tháng 7/1857 khi *“Tự Đức lại ban hành thêm một đạo dụ cấm đạo nữa mở màn cho một thời kỳ tàn sát mới, tạo thêm lý do cho tư bản nước ngoài có cơ phát động chiến tranh xâm lược nước ta về sau”* (Trần Nam Tiến, 2006, tr.162). Rõ ràng, từ thời Minh Mạng cho đến thời Tự Đức đã nhận ra được ý đồ xâm lược của thực dân Pháp, không sớm thì muộn với sự thăm dò, dưới sự vận động từ phía các giáo sĩ sẽ xảy ra cuộc chiến tranh xâm lược. Đặc biệt, sau sự kiện hai tàu chiến Gloire và Victorieuse của Pháp đến bắn phá Đà Nẵng vào năm 1847 đã bộc lộ mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp. Từ đây, Đà Nẵng được triều Nguyễn chú trọng và tăng cường xây dựng hệ thống phòng thủ ở đây hết sức vững chắc.

Đúng như tính toán của chính quyền Pháp, việc triều Nguyễn ban hành lệnh cấm đạo là một cái cớ để phát động chiến tranh xâm lược. Gosselin, tác giả cuốn Quốc gia An Nam đã thú nhận: *“Các cha đạo thực ra chỉ là cái cớ để chúng ta tay hành động đối với nước Nam. Việc mất Ấn Độ hồi thế kỷ XVIII, việc nước Anh địch thủ của chúng ta phát triển lực lượng ngày càng nhanh chóng ở Viễn Đông buộc chúng ta phải cố tìm cách đặt chân vào vùng bể Trung Hoa, nếu không thì tất bị suy đồi, bị sa vào một tình trạng thấp kém đáng khinh. Nước Nam đã giúp chúng ta có cơ hội đó. Việc họ giết các giáo sĩ người Pháp đã cho chúng ta có cớ để can thiệp. Và chúng ta đã nắm ngay lấy cơ hội đó một cách vội vàng, để hiểu”* (Trần Nam Tiến, 2006, tr.163).

3. Quá trình hình thành liên minh quân sự giữa Pháp và Tây Ban Nha trong cuộc chiến tại Đà Nẵng (1858 -1860)

Ngày 1/12/1857, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp chỉ thị cho Turgot là Đại sứ tại Tây Ban Nha hỏi xem chính phủ Tây Ban Nha có sẵn sàng góp sức cùng với Pháp trong “mục tiêu ngăn ngừa sự tái diễn “những thảm họa” giống như cái chết của giám mục Diaz, công dân Tây Ban Nha” (Cao Huy Thuần và Nguyễn Thuận, 2014, tr.65). Tại một buổi tiệc riêng tiếp đãi đại sứ Tây Ban Nha tại Paris, Công tước de Rivas chiêu đãi, ông đã đề cập đến cái chết của giám mục Sanjurjo và nói: “Nữ hoàng rất ngoan đạo, có nhiều quyền lợi trong những vùng đất ấy và dân bản xứ đang bị đe dọa khủng bố, cũng là người có đạo Thiên Chúa và vị giám mục đã bị hành hình một cách dã man lại là người Tây Ban Nha. Nước Tây Ban Nha sẽ có lợi và nên hợp tác trừng phạt những hành vi ghê tởm này” (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.56). Trong một công hàm mật ngày 1/12/1857, được chuyển cho Quốc vụ khanh Tây Ban Nha, Maritinez de La Rosa, ngày 5/12, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, Bá tước Walewski cũng đã yêu cầu cần có một sự hợp tác chặt chẽ từ phía triều đình Madrid, điều này được diễn đạt qua lời lẽ sau đây: “Có thể là vị sĩ quan ấy [Rigault de Genouilly] phải cần có từ một ngàn đến hai ngàn quân bộ mới có thể làm cho cuộc viễn chinh đạt được kết quả mong chờ, và chúng tôi sẽ rất vui mừng được biết nội các Madrid, trong trường hợp họ muốn cho quân đội mình hợp tác với quân đội chúng tôi, có thể trích quân số của họ hiện đóng tại Philippines những số quân đồ bộ nhất thời cần thiết cho Đô đốc Rigault de Genouilly, theo dự kiến của chúng tôi hay không” (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.56).

Để đáp trả lại, Nữ hoàng Isabelle II tuyên bố trong một buổi lễ rằng: “Những vụ tàn sát mà các nhà truyền giáo xứ ta ở Á Châu là nạn nhân đã buộc tôi phải liên minh với Pháp để mở một cuộc viễn chinh ở Nam Kỳ. Hải quân và bộ binh ta đã biểu lộ truyền thống của nó và để nhớ lại những cuộc thám hiểm mà quân đội Tây Ban Nha luôn luôn tỏ ra xuất sắc bảo vệ quyền lợi và danh dự của tổ quốc và vương quyền” (Trương Bá Cần và cộng sự, 1967, tr.57). Trong bức công hàm của đại sứ Tây Ban Nha tại Paris, tuyên bố rằng: “...với lòng mong muốn đóng góp vào một công cuộc có ích về mọi mặt như vậy, Tây Ban Nha có thể cung cấp một tiểu đoàn hoàn chỉnh gồm 1.200 người, cùng với số trọng pháo tương đương và một hoặc hai tàu thủy” (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.56-57). Đến ngày 25/12/1857, Bộ trưởng Chiến tranh Tây Ban Nha ra lệnh cho tư lệnh trưởng ở Philippines chuẩn bị sẵn sàng, để khi nào Đô đốc Pháp Rigault de Genouilly yêu cầu cho xuống tàu, gồm “một tiểu đoàn quân bộ 1.000 người, cùng hai đại đội kỵ binh, mỗi đại đội 150 người và một trung đội pháo binh 100 người” (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.56-57). Tuy nhiên, vì triều đình Tây Ban Nha quá vội vàng lao theo đề nghị từ phía Pháp mà đã bỏ qua điều cơ bản: “là ghi lại thành văn bản những điều đã dàn xếp với nhau, quy định cụ thể những quyền lợi và nhiệm vụ mỗi bên; vì vậy mà sau đó chẳng bao lâu, Tây Ban Nha đã phải chịu những nỗi thất vọng cay đắng” (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.57). Đây chính là nguyên nhân mà sau này tại vùng đất Nam Kỳ, chính quyền Tây Ban Nha kiên quyết yêu cầu chính phủ Pháp: “dù kết quả cuộc viễn chinh có ra thế nào đi chăng nữa thì, nếu như có những điều lợi thì cả hai nước sẽ được hưởng bằng nhau, về giá trị cũng như về điều kiện” (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.62). Nhưng Pháp lập luận rằng: “Hình như lý do được viện dẫn, vì trên nguyên tắc người ta chỉ có đề nghị Tây Ban Nha cộng tác vào cuộc viễn chinh là một sự xúc phạm trực tiếp sinh mạng của một giáo sĩ Tây Ban Nha” và “về mặt pháp

lý nước Pháp chẳng có trách nhiệm gì đối với Tây Ban Nha trong kết cuộc của cuộc viễn chinh này” (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.66).

Quay trở lại vấn đề, sau những lần thương thuyết về liên minh quân sự, cuối năm 1857, người Tây Ban Nha quyết định xây dựng liên minh với người Pháp. Để hỗ trợ cho quân viễn chinh Pháp, chính quyền Tây Ban Nha lúc đầu cử 950 quân gồm người Tây Ban Nha và Philippines (ngày 13/9/1858 tàu Durance chở thêm 550 quân từ Manila tới, nâng con số lên 1.500) do đại tá Bernard Rúi de Lanzarote chỉ huy. Tư lệnh chung của liên quân Pháp – Tây Ban Nha là Charles Rigault de Genouilly và địa điểm mở màn để liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công là Đà Nẵng.

Cũng giống như các đội quân xâm lược nhà nghề khác, liên quân Pháp – Tây Ban Nha cũng sử dụng chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh”. “*Kế hoạch của địch là chớp nhoáng lấy cửa Đà Nẵng, căn cứ vào đó đánh vào nội địa, tiêu diệt sinh lực của triều đình, rồi qua đèo Hải Vân thẳng lên Huế*” (Trần Văn Giàu, 2006, tr.62). Như vậy, theo sự tính toán, sau khi chiếm được Đà Nẵng, liên quân Pháp – Tây Ban Nha sẽ thừa thắng xông lên, vượt đèo Hải Vân, buộc triều Nguyễn đầu hàng, chấp nhận “*hiệp ước chính thức long trọng công nhận công cuộc bảo hộ nước Pháp*” mà nội dung chủ yếu của nó là *thâu đoạt những quyền lợi cơ bản về ngoại giao và nội trị của Việt Nam, biến cả dân tộc Việt Nam thành thuộc dân Pháp, chiếm lấy những nguồn lợi thương mại hiển nhiên gồm bông, tơ, đường, gạo, gỗ, cà phê...*” (Thái Hồng, 2001, tr.177). Ý tưởng này không chỉ được quy định bởi chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” mà còn trùng khớp với một ý trong bản báo cáo của đức cha Pellerin là “*lấy Đà Nẵng đánh thúc lên Huế bắt Tự Đức quy hàng, đánh mau thắng mau, không tổn thất nhiều mạng người, cũng không tốn nhiều thời gian, mà lại được đất rộng, người đông của cải lớn*” (Trần Văn Giàu, 2006, tr.62).

Cũng theo báo cáo của các giáo sĩ: “*Đà Nẵng là nơi “gieo giống phúc âm đầu tiên ở Việt Nam” của người Pháp nên... chỉ cần quân Pháp khiêu chiến thì tất có hàng nghìn dân theo đạo ở Quảng Nam (mà cụ thể là ở Đà Nẵng, Trà Kiệu và Tùng Sơn, An Ngãi) sẽ nổi lên hưởng ứng*” (Luu Anh Rô, 2019, tr.95). Thực ra đây là “chiêu trò” lừa đảo đám tướng lĩnh mà các giáo sĩ đã vạch ra nhằm tạo tinh thần chiến đấu lực lượng của mình. Trong công văn của Rigault de Genouilly ngày 17/9/1859 nói rằng: “*Dù cho những lời hứa của giám mục Pellerin, không một con chiên đến với chúng ta, đến nỗi chúng ta không thể liên lạc gì với những thừa sai trong nội địa dù rằng, theo người ta nói, có nhiều vị ở cách Đà Nẵng 5, 6 dặm; vì thế, mọi thứ đều mù mịt về các vùng phụ cận của kinh đô*” (Cao Huy Thuần và Nguyễn Thuận, 2014, tr.70). Về điều này, “*triều đình Huế rất an tâm về sự trung thành của dân chúng, chỉ thấy trong các hành động của người Pháp “một sự xâm lăng bất chính, không gì có thể biện minh”*” (Cao Huy Thuần và Nguyễn Thuận dịch, 2014, tr.70).

Có thể thấy, việc lựa chọn Đà Nẵng làm điểm tấn công đầu tiên trong mục tiêu xâm lược Việt Nam của liên quân Pháp – Tây Ban Nha được tính toán rất kỹ. Điều này càng được thể hiện một cách cụ thể trong Chỉ thị ngày 25/11/1857 của Chính phủ Pháp trao Tổng chỉ huy liên quân Pháp – Tây Ban Nha Đô đốc Rigault de Genouilly là: “*...Chiếm cứ vùng biển và vùng lãnh thổ Đà Nẵng, làm chủ cứ điểm này, qua tập hợp tin tức, nghiên cứu, ước lượng tầm quan trọng của các kết quả đạt được cùng những hy sinh phải bỏ ra, những cơ may cần tranh đoạt, những cố gắng cần có để – hoặc hướng tới sự thiết lập chế độ bảo hộ với nước An Nam, hoặc hạn chế trong một hiệp ước thương mại, thân hữu và hàng hải cùng đòi hỏi sự đền bù thích đáng cho những*

bức hại đối với các thừa sai và sự an toàn của họ được thi trong hiệp ước chính thức”³ Và “...Chiếm giữ được Đà Nẵng và thiết lập căn cứ vững chắc tại đó...Khi được tăng cường, hãy làm cho vị thế chúng ta vững mạnh tại xứ An Nam” (Thái Hồng, 2001, tr.177-178).

Với kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” sẽ làm bàn đạp tấn công ra Huế, theo tính toán của Pháp thì cuộc viễn chinh này không kéo dài quá “*ba tuần lễ*.” *Thủ phủ Huế – Fou mà chúng tôi phải tấn công trong BA TUẦN LỄ, hạnh phúc thay sẽ là một việc khó khăn mà Đô đốc đã thuyết phục để mọi người tin rằng rồi đây nó sẽ thuộc về tất cả chúng tôi”* (Thái Hồng, 2001, tr.187). Mục đích mà Pháp dùng chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” là nhằm tránh cho Pháp phải giải quyết những khó khăn về phải nuôi một lực lượng quân khá đông. Và đây cũng là phương châm chiến lược, chiến thuật mà đã được thử nghiệm tại Trung Quốc và đã thành công.

Như vậy từ những nội dung đã phân tích trên, ta có thể thấy được phương châm chiến lược mà Pháp áp dụng trong cuộc viễn chinh này là tận dụng ưu thế hỏa lực với sức công phá mạnh, đánh nhanh, thắng nhanh, kết thúc chiến tranh trong thời gian ngắn nhất để giảm bớt sự hao tổn sức người sức của. Kế hoạch chiến lược của Pháp đánh chiếm được Đà Nẵng sẽ làm bàn đạp tấn công ra Huế, buộc triều đình Nguyễn ký hiệp ước đầu hàng. Và thời hạn hoàn thành kế hoạch đó như Đô đốc Rigault de Genouilly Tổng chỉ huy liên quân Pháp – Tây Ban Nha đưa ra trong chỉ thị là không kéo dài quá “*ba tuần lễ*”.

4. Sự thất bại của liên quân Pháp – Tây Ban Nha tại mặt trận Đà Nẵng

Chiều ngày 31/8/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha đã đến và dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng, nhưng quan trấn thủ Đà Nẵng – Trần Hoàng vẫn án binh bất động và chờ lệnh của triều đình. “*Cả đạo thủy quân chia làm ba cánh, bắt đầu hoạt động: Cánh thứ nhất được chỉ định bao vây bán đảo Sơn Trà; cánh thứ hai vào sâu thả neo trong vịnh, củng cố vị trí ngay trước cửa sông Tourane (sông Hàn); cánh thứ ba dự bị, luôn luôn sẵn sàng tham chiến tùy hoàn cảnh cuộc chiến”* (Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng, 2018, tr.28). Hùng sáng ngày 1/9/1858, Đô đốc Rigault de Genouilly gửi tối hậu thư buộc quan trấn thủ phải trả lời trong 2 giờ, nhưng chưa hết thời hạn trong tối hậu thư, liên quân Pháp – Tây Ban Nha đã bất ngờ dùng pháo trên các hạm đội tàu chiến bắn dồn dập vào các vị trí đồn trú trên Sơn Trà và trên cửa sông Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Phải khẳng định rằng, việc thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Đà Nẵng chỉ là sự khởi đầu trong chặng thứ ba, chặng cuối cùng trong việc chinh phục Việt Nam bằng vũ lực. Chặng một thuộc về vai trò của các giáo sĩ như Alexandre de Rhodes, Francois Pallu, Lambert de la Motte,.. và chặng hai là sự phối hợp hành động giữa giáo sĩ và thương nhân (Phạm Xanh, 2008).

Sau khi dùng hỏa lực mạnh phá vỡ một số đồn trú, liên quân Pháp – Tây Ban Nha đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà và nhanh chóng chiếm được đồn An Hải và Điện Hải. Sau khi nổ súng rồi chiếm được bán đảo Sơn Trà, bị quân ta chặn đánh, không tiến sâu vào trong đất liền nên lý do thứ ba không phát huy được vai trò và không thể chiếm được Đà Nẵng để làm bàn đạp tiến công ra Huế. Nhiều lần liên quân Pháp – Tây Ban Nha tìm cách đánh sâu vào nội địa đều bị quan quân triều đình đánh bật trở lại, và bị thiệt hại khá nặng. Kết quả là sau 5 tháng giao chiến, liên quân Pháp – Tây Ban Nha chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà, đồn An Hải, Điện Hải và án ngữ phía Nam sông Hàn. Trong khi đó, khó khăn của chúng mỗi ngày một tăng thêm: do không hợp với khí hậu nhiệt đới gió ẩm của nước ta nên binh lính thường xuyên bị ốm đau

và chết khá nhiều trong khi thuốc men lại thiếu thốn; tiếp tế lương thực cho quân lính lại khó khăn. *“Tiến lùi đều khó, cuối cùng Đô đốc Rigôn Đờ Giơnuix quyết định chỉ để lại Đà Nẵng một lực lượng quân sự nhỏ để cầm chân quân đội triều đình, và kéo toàn bộ quân Pháp và Tây Ban Nha vào đánh Gia Định (2-1859). Kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bị thất bại ở Đà Nẵng”* (Trương Công Huỳnh Kỳ, 2013, tr.28).

Liên minh quân sự giữa Pháp với Tây Ban Nha tại mặt trận Đà Nẵng thất bại do nhiều nguyên nhân, trong đó có hai nguyên nhân cơ bản:

Thứ nhất, Pháp đánh giá sai tinh thần chiến đấu của nhân dân Việt Nam.

Quân đội viễn chinh Pháp và Tây Ban Nha đối với Việt Nam là một đối tượng tác chiến hoàn toàn xa lạ. Từ cách tổ chức, trang bị vũ khí, phương tiện kỹ thuật đến chiến lược chiến thuật, quân đội Pháp và Tây Ban Nha đã tỏ rõ đầy đủ tính chất của nó là một quân đội thiện chiến, nhà nghề. Ngược lại, quân đội Việt Nam dù đã cố gắng cải tiến nhưng vẫn không thể thoát khỏi tính chất cổ hủ của một nhà nước phong kiến nông nghiệp lạc hậu. Sự cách biệt giữa hai quân đội còn được thể hiện qua việc sử dụng vũ khí tác chiến. *“Nếu xét theo trình tự những hình thức tác chiến như các nhà lý luận quân sự ngày nay thì trong khi quân đội Pháp tác chiến bằng biện pháp của chiến tranh thế hệ thứ hai, tức là biện pháp dùng hỏa khí, quân đội Việt Nam lại vẫn chỉ tiến hành chiến tranh bằng biện pháp của chiến tranh thế hệ thứ nhất, tức biện pháp dùng bạch khí hay vũ khí lạnh là đao, kiếm”* (Thái Hồng, 2001, tr.180).

Đây là thử thách hết sức nghiêm trọng đối với quân dân Việt Nam khác hẳn với những cuộc chiến tranh xâm lược từng xảy ra trong quá khứ. Tuy nhiên, bằng một tinh thần yêu nước nồng nàn, trên dưới một lòng quyết bảo vệ nền độc lập dân tộc, khi Đà Nẵng bị Pháp tấn công, không chỉ có lực lượng quân đội triều đình tham gia mà còn có lực lượng dân binh Quảng Nam và Đà Nẵng. *“Nhân dân các làng Nam Thọ, Mân Quang, An Hải... tham gia cùng quan quân triều đình Huế, xây dựng nhiều cứ điểm quân sự để chống giặc như: thành ông Quýnh trên núi Sơn Trà, đồn Nhì tại Môm Bồn (nay là Hải đội vùng III Hải quân), đồn ba tại vườn Xoài (đền Quan Cao Cát nay ở trước xưởng X50). Nhân dân phía Đông của Đà Nẵng còn tham gia đào chiến lũy từ mặt Tây cảng Tiên Sa đến vườn Xoài để phòng chống giặc”* (Lưu Anh Rô, 2019, tr.120). Đặc biệt, tại phòng tuyến ở Mĩ Thị, Cẩm Lệ và phòng tuyến Liên Trì nhân dân Đà Nẵng đã cùng phối hợp với quân triều đình từng bước đánh bại các đợt tiến công của Pháp. *“Trên mặt trận Đà Nẵng, nhân dân và thanh niên đã thực hiện “vườn không nhà trống”. khắp nơi các đội “dân binh”, “gồm tất cả những ai không đau ốm, tàn tật” được thành lập, tiến công diệt địch ở mọi nơi, mọi lúc”* (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1999, tr.42).

Thứ hai, chọn Đà Nẵng làm đột phá khẩu là một sai lầm chiến lược.

Đây chính là nguyên nhân trực tiếp làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của của liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Đó là vì Đà Nẵng gần Huế, kinh đô của Triều Nguyễn. Tính toán sai lầm của Đô đốc Rigault de Genouilly Tổng chỉ huy liên quân Pháp - Tây Ban Nha chính là ở đây. Như đã phân tích, Huế chỉ cách Đà Nẵng 100km về phía Bắc nên chiến sự diễn ra tại Đà Nẵng sẽ được cấp báo đến vua Tự Đức rất nhanh, từ đó Triều Nguyễn đề ra đối sách để ứng phó kịp thời. Khi chiến sự Đà Nẵng diễn ra, quân ta có khoảng 2.000 lính phòng thủ và liên quân Pháp - Tây Ban Nha hơn 2.000 người. Như vậy, lực lượng hai bên không chênh lệch lắm về số lượng, ta chỉ thua kém đối phương về chất lượng vũ khí.

Trước sự tấn công của liên quân, quân triều đình phải lui ra sau lập phòng tuyến trước huyện Hòa Vang để ngăn địch tiến sâu vào nội địa. Được tin mất Sơn Trà, vua Tự Đức đã sai Hữu quân đô thống Trần Đình Lý và Tham Tri bộ Hộ Phạm Khắc Thân đem 2.000 quân tiếp viện, đồng thời cách chức Trần Hoàng. Tại Quảng Nam, vua Tự Đức cử Tham tri Nội các Nguyễn Duy vào chỉ huy lực lượng quân triều đình đóng ở Quảng Nam. Tại mặt trận Quảng Nam, Lê Đình Lý đã chỉ huy chống trả kịch liệt nhưng do sức tấn công của liên quân Pháp – Tây Ban Nha quá mạnh nên đã bị thương và phải lui quân. Hồ Đức Tư giữ đồn Hóa Khê lẽ ra phải ra tiếp ứng để ngăn cản địch, lại án binh bất động, nên bị bắt và cách chức. Tin cấp báo về Huế, vua Tự Đức liền cử Chu Phúc Minh thay Lê Đình Lý và giao cho Kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương làm tổng thống quân thứ Quảng Nam, chỉ huy toàn bộ mặt trận Quảng Nam – Đà Nẵng, gấp rút chấn chỉnh quân đội. Nguyễn Tri Phương chủ trương không cho tấn công mà chỉ bao vây quân Pháp, Tây Ban Nha ngoài mé biển, địch tiến tới đâu thì toàn dân được lệnh di tản vào nội địa đến đó để khỏi bị địch bắt làm lính hay bắt nộp quân lương, hay khỏi bị tiết lộ bí mật hành quân. Chiến thuật này có phần hiệu quả. Đó là chiến thuật “vừa đánh vừa giữ, dần dần đắp thành đồn lũy sát đến để bắt chúng phải lui”. Với việc xây dựng phòng tuyến Liên Trì cùng kết hợp chiến thuật công thủ bằng trận địa nhiều tầng đã làm cho liên quân Pháp – Tây Ban Nha rơi vào tình trạng “*Lực lượng chúng tôi giảm đi từng ngày... Quân viễn chinh bị bệnh tật tàn sát cách khủng khiếp trong khi vẫn bị kẻ thù luôn quấy rối... Trung bình mỗi tháng tổn thất vì bệnh tật lên tới con số 100 đối với đạo quân không quá 3000 người. Từ 1 đến 20/6/1859 chỉ bệnh dịch đã giết mất 200 quân*” (Thái Hồng, 2001, tr.190).

Trở ngại lớn nhất cản trở kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của quân Pháp vẫn là không vượt qua được phòng tuyến nhiều tầng của Nguyễn Tri Phương. Trở ngại lớn đó đã trở thành tai họa cho quân Pháp khi phải đối mặt với bệnh tật, mà nguyên nhân là bị vây hãm và cầm chân tại Đà Nẵng. Trước tình thế này, quân viễn chinh Pháp dần trở nên nghi ngờ về khả năng liên minh với Tây Ban Nha sẽ không mang đến một kết quả như mong muốn. Trong công văn ngày 29/1/1859, sĩ quan hải quân G.Aubaret với những lời lẽ đầy thất vọng khi viết rằng: “*Chính phủ đã bị lừa về tính cách của việc thôn tính Nam kỳ, nó được trình bày như là một việc rất đơn giản, nhưng nó không đơn giản tí nào cả. Người ta nói với chính phủ về những tài nguyên không hề có, về sẵn sàng nơi người dân nhưng kỳ thực các sự sẵn sàng ấy khác hẳn với những gì được nói trước, về một quyền uy rã rời và suy yếu nơi hàng quan lại, nhưng kỳ thực quân chính qui lại rất đông và quân tự vệ thì gồm tất cả những người khỏe mạnh trong dân chúng. Người ta ca tụng khí hậu tốt lành, nhưng kỳ thực. Để vững tin điều này, chỉ cần nhìn gương mặt hốc hác và ốm teo của những thừa sai đã đến giữa chúng ta từ khắp các nơi trong xứ. Đà Nẵng không hơn gì Hồng Kông, mà Hồng Kông đã nổi tiếng là độc địa. Tóm lại, khi đọc lại báo cáo của Ủy ban Hỗn hợp, họp tại Bộ Ngoại giao, đối chiếu với thực tế đã xảy ra cho đến ngày hôm nay, chúng ta tin chắc vấn đề được bao bọc bởi những xác quyết sai lầm, và người ta đã giấu giếm mọi khó khăn thực sự. Theo tôi, rõ ràng các đương sự muốn lôi kéo chính phủ, vì biết rằng một khi đã bị lôi cuốn thì chính phủ rất khó, nếu không nói là không thể, rút lui*” (Cao Huy Thuần và Nguyễn Thuận, 2014, tr.71).

Để cứu vãn tình thế, Đô đốc Rigault de Genouilly quyết định chuyển hướng chiến lược. Ngày 2/2/1859, quân đội Pháp chỉ để lại Đà Nẵng 1 phần 3 quân số và 4 tàu chiến, kéo toàn bộ lực lượng vào đánh chiếm Gia Định. “*Ngày 02/02/1859, các tàu được chỉ định cho cuộc viễn chinh Sài Gòn là: hải phòng hạm hơi nước Phlégéton, mang cờ đô đốc; hải phòng hạm hơi nước*

Primauguet; tuần dương hạm hơi nước El Cano; các pháo hạm hơi nước Alarme, Avalanche, Dragonne; các vận hạm hỗn hợp Durance, Saône và Meurthe. Quân đội Pháp lên vận hạm hỗn hợp Durance, còn quân đội Tây Ban Nha theo vận hạm hỗn hợp Saône. Hôm qua, hai tàu thương mại đã rời cảng là Port-de-Bordeaux và Canrobert, và hai tàu chiến Tây Ban Nha khác đã được sử dụng để vận chuyển ngựa, trang thiết bị của lực lượng viễn chinh. Ngày 03/02/1859, lúc sáng sớm, bộ phận hải quân rời khỏi vịnh Đà Nẵng” (Nguyễn Quang Trung Tiến, 2018, tr.36). Đến ngày 17/2/1859, liên quân Pháp – Tây Ban Nha trên các tàu chiến tập trung hỏa lực bắn vào thành Gia Định. Hơn 1.000 quân triều đình chống cự nhưng bất lực, trấn thủ Gia Định là Vũ Duy Ninh ra lệnh rút quân chạy về thôn Phúc Lộc để bảo toàn lực lượng. Thành Gia Định bị chiếm, Tổng đốc tỉnh Định Tường và Vĩnh Long là Trương Văn Uyển đưa 1.800 quân cùng với 800 quân của Tuần phủ Định Tường Lê Định Đức kéo lên Gia Định ứng viện, nhưng bị quân Pháp đến đột kích, Trương Văn Uyển bị thương, còn Lê Định Đức tháo chạy về Vĩnh Long. Mặc dù chiếm được thành Gia Định, nhưng nhiều lần quân ta liên tiếp tấn công vào thành khiến Đô đốc Rigault de Genouilly phải bỏ thành rút quân xuống đóng dưới tàu đậu giữa sông để khỏi bị tập kích. Sau đó, chúng chỉ để lại một số ít quân ở Gia Định, còn lại cấp tốc kéo ra tiếp viện cho số quân Pháp đóng tại mặt trận Đà Nẵng lúc đó đang có nguy cơ bị quân ta tiêu diệt.

Sau khi Rigault de Genouilly đưa 3.000 quân từ Gia Định ra Đà Nẵng, bộ chỉ huy quân đội Pháp quyết định mở cuộc tấn công nhằm giải quyết tình thế nguy khốn. Ngày 8/5/1859, cùng một lúc liên quân Pháp – Tây Ban Nha mở ba cánh quân tấn công các đồn Điện Hải, Thạch Giản, Hải Châu, Phúc Ninh nhưng bị quân ta chặn đánh quyết liệt và phải rút lui. Từ tháng 4/1859, nước Pháp đang bị vướng vào cuộc chiến tranh với Áo trên đất Italia nên phải dồn lực lượng quân sự vào chiến trường châu Âu, không thể tiếp viện nhiều cho đội quân xâm lược Việt Nam. Mâu thuẫn Anh – Pháp lúc này cũng trở nên gay gắt, chiến tranh có thể bùng nổ giữa hai nước. Trong tình thế khó khăn đó, Chính phủ Pháp buộc phải ra lệnh cho Rigault de Genouilly nghị hòa với triều đình nhà Nguyễn. Đến ngày 22/6/1859, Rigault de Genouilly muốn hòa đàm với triều Nguyễn và được triều Nguyễn chấp nhận. Tuy nhiên không lâu sau, quân viễn chinh dưới sự chỉ huy của Đô đốc Page mở cuộc tiến công đánh chiếm đồn Chân Sảng và pháo đài Định Hải. Một lần nữa liên quân Pháp – Tây Ban Nha lại thất bại trước sự chiến đấu anh dũng của quân và dân ta. Đến ngày 23/3/1860, buộc phải rút hết quân đóng tại Đà Nẵng, liên minh quân sự giữa Pháp với Tây Ban Nha đến đây đã bị ta bẻ gãy. Theo đó, đạo quân viễn chinh Tây Ban Nha của Đô đốc Page được lệnh trở về Philippines, còn Pháp tập trung lực lượng tấn công lại Nam Kỳ. Cũng từ sau lần liên minh này, quan hệ giữa Pháp và Tây Ban Nha bị sút mẻ dần rồi đi đến kết thúc bằng cái lệnh của chính phủ Pháp cấm Hoàng thân Léopold de Hohenzollern lên ngôi vua Tây Ban Nha. Đây cũng là cái cớ mà sau này khi Pháp chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Biên Hoà, Định Tường) thông qua Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862), chính phủ Tây Ban Nha đã yêu cầu phía Pháp chia “món lợi” này (Tây Ban Nha muốn chiếm vùng đất Bắc Kỳ), nhưng Pháp đã tìm cách khước từ lời đề nghị này, trong mắt Pháp thì Tây Ban Nha chỉ là kẻ “đào giếng sẵn cho họ múc nước”.

5. Kết luận

Nhìn lại cả một quá trình kéo dài từ năm 1858 đến 1954, chúng ta đều thấy rõ rằng, đánh chiếm Đà Nẵng là điểm mở đầu trong ý đồ xâm lược Việt Nam của Pháp với sự hỗ trợ của Tây

Ban Nha. Kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của liên quân Pháp – Tây Ban Nha bước đầu đã bị quân dân Việt Nam phá vỡ. Chẳng những mục tiêu chiến lược chiếm Đà Nẵng, đánh đòn quyết định để tiến ra Huế, buộc Việt Nam trở thành thuộc địa của mình, mà mục tiêu chiến dịch “chiếm đóng Đà Nẵng làm vật bảo chứng” để uy hiếp triều đình Huế cũng bị phá sản. Vậy “ba tuần lễ” cũng không được mà “mười tám tháng” cũng không xong. Đó là một sự thất bại đầy cay đắng của liên quân Pháp – Tây Ban Nha.

Trong quá trình liên minh với Tây Ban Nha, phía Pháp không tìm hiểu kỹ về thực lực, đánh giá thấp tiềm lực và tinh thần chiến đấu của quân và dân Việt Nam. Dẫn đến thái độ chủ quan của người Pháp và Tây Ban Nha trong những lần tấn công vào Đà Nẵng. Điều này chứng tỏ hệ thống phòng thủ Đà Nẵng – một công trình quân sự mang tầm cỡ quốc gia được các vua Nguyễn rất chú ý xây dựng. Các thành Điện Hải, An Hải được xây dựng theo kiểu thành Vauban của Pháp – một kiểu thành rất khó tấn công nhưng dễ phòng thủ đã tỏ ra hiệu dụng khi liên quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công. Điều đáng chú ý chính là vai trò của vua tôi nhà Nguyễn là rất lớn, trên dưới đều đồng lòng quyết tâm đánh giặc. Từ một vùng đất yên bình, bỗng dưng trở thành chiến trường của cả nước, nhân dân Quảng Nam và Đà Nẵng đã kề vai sát cánh với quân triều đình để chống lại sự xâm lược của liên quân Pháp – Tây Ban Nha.

Mặc dù Pháp đã có một quá trình chuẩn bị lâu dài từ thế kỉ XVII và có sự hợp lực với quân Tây Ban Nha nhưng việc chọn Đà Nẵng mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam đã vấp phải sự chống trả một cách mạnh mẽ của quân dân ta. Thắng lợi này bắt nguồn từ truyền thống yêu nước của dân tộc, ý chí kiên cường quyết tâm chống giặc xâm lược đã trở thành một đạo lý, một di sản tinh thần quý báu. Mặc khác, sự thắng lợi cũng minh chứng sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc khi đứng trước vận mệnh sống còn của Tổ quốc thì mọi kẻ thù có hung mạnh, tàn bạo đến đâu cũng có thể đánh bại. Có thể nói, bài học này vẫn còn nguyên giá trị và có thể vận dụng trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo và biên giới quốc gia trong bối cảnh hiện nay.

Chú thích:

1. Có thể gọi liên minh Pháp - Tây Ban Nha là liên minh gia tộc Bourbon.
2. Eugénie de Montijo (1826-1920), là vợ của hoàng đế Napoléon III và cũng là hoàng hậu cuối cùng của nước Pháp. Bà là một người rất được vua Napoléon III ưu ái và trong các buổi chính sự bà được tham gia bàn bạc, rồi dần trở thành cố vấn cho nhà vua.

Tài liệu tham khảo

Cao Huy Thuần và Nguyễn Thuận. (2016). *Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1857-1914)*. Nxb Hồng Đức. Thanh Hóa.

Đỗ Bang. (2000). Chính sách của triều Nguyễn đối với Thiên Chúa giáo. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, 1.

Hofstadter, R., & Ver Steeg, C. L. (Eds.). (1969). *Great issues in American history: From settlement to revolution, 1584-1776* (Vol. 1). Vintage.

Lưu Anh Rô. (2019). *Đà Nẵng buổi đầu đánh Pháp*. Nxb Đà Nẵng. Đà Nẵng.

Lưu Trang. (2011). Tổ chức bang giao của triều Nguyễn với các nước phương Tây ở Đà Nẵng. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, 4.

Nguyễn Quang Trung Tiến. (2018). Mặt trận Đà Nẵng (1858 – 1860) qua tường thuật của Đại tá Henri de Ponchalon. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, 4.

Nguyễn Xuân Thọ và Nguyễn Bá Dũng. (2018). *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*. Nxb Hồng Đức. Thanh Hóa.

Phạm Xanh. (2008). Tại sao thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm điểm tiến công mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, 9.

Thái Hồng. (2001). *Nguyễn Tri Phương (1800-1873)*. Nxb Đại học Quốc gia. Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Khánh. (2012). *Lịch sử Đông Nam Á (tập IV)*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.

Trần Nam Tiến. (2006). *Ngoại giao giữa Việt Nam và các nước phương Tây dưới triều Nguyễn (1802-1858)*. Nxb Đại học Quốc gia. Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong bài ghi Trần Văn Giàu. (2006). Nxb Quân đội Nhân dân. Hà Nội

Trương Bá Cẩn, Phạm Cao Dương, Lê Văn Hảo, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Trọng Phủ và Lý Hành Trung. (1967). *Kỷ Niệm 100 năm ngày Pháp chiếm Nam Kỳ (20/6/1867-20/6/1967)*. Sài Gòn.

Trương Công Huỳnh Kỳ. (2013). *Giáo trình lịch sử Việt Nam cận đại*. Nxb Đại học Huế. Huế.

Trường Đại học Sư phạm Đại học Quốc gia Hà Nội. (1999). *Một số vấn đề về lịch sử*. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội.